

Số: 234 /QĐ-MNKS

Kim Sơn, ngày 20 tháng 08 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Tổ Xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhà trường năm học 2024- 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

Căn cứ thông tư 52/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của BGD&ĐT ban hành điều lệ trường mầm non;

Căn cứ vào Văn bản hợp nhất Số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non.

Căn cứ vào Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục nhà trường năm học 2023- 2024 của trường mầm non Kim Sơn;

Căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương, thực tế của nhà trường;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn trường mầm non Kim Sơn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Tổ xây dựng Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Kim Sơn.

Điều 2: Tổ xây dựng Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 là các Cán bộ, giáo viên cốt cán của trường mầm non Kim Sơn (Có danh sách kèm theo)

Điều 3. Tổ xây dựng Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024- 2025 của trường Mầm non Kim Sơn thực hiện xây dựng dự thảo Kế hoạch, tiếp thu các ý kiến đóng góp để hoàn thiện Kế hoạch trình phê duyệt và ban hành theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu thực tế và đảm bảo tính tiến độ quy định. Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên do tổ trưởng phân công.

Điều 4. Các tổ chức trong nhà trường và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Lương



**DANH SÁCH TỔ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI
DƯỠNG, GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025**

Kèm theo Quyết định số:234/QĐ-MNKS ngày 20/8/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ phân công
1	Nguyễn Thị Lương	Hiệu Trưởng	Trưởng ban
2	Vũ Thị Hồng Thanh	Phó hiệu trưởng	Phó trưởng ban
3	Hoàng Thị Thanh	Phó hiệu trưởng	Phó trưởng ban
4	Trần Thanh Huyền	TTCM 4-5 Tuổi	Ủy viên
5	Nguyễn Thị Xuyên	TPTCM 4-5 Tuổi	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Tươi	Giáo viên	Thư ký
7	Lưu Phương Thảo	Giáo viên	Ủy viên

Số:235/TTr-MNKS

Kim Sơn, ngày 20 tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê duyệt chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhà trường
năm học 2024 -2025**

Kính gửi: Hội đồng trường Mầm non Kim Sơn

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào dự thảo kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024-2025 của tổ xây dựng kế hoạch giáo dục trường Mầm non Kim Sơn;

Tổ Xây dựng Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Kim Sơn lập tờ trình đề nghị Hội đồng trường xem xét, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Kim Sơn (có dự thảo Kế hoạch kèm theo).

Tổ xây dựng Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Kim Sơn kính trình.

Nơi gửi :

- Như kính gửi;
- Lưu : VT.

**TRƯỞNG BAN
HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Lương

Số: 245 /NQ-HĐTMNKS

Kim Sơn, ngày 20 tháng 08 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục
năm học 2024- 2025

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/03/2021 Nghị định của Chính Phủ Quy định việc quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Điều lệ trường mầm non được Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều về việc thành lập Hội đồng trường của Trường Mầm non Kim Sơn nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ vào Văn bản hợp nhất Số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Xét tờ trình số 245/TTr-MNKS ngày 20/8/2024 của Tổ xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024- 2025 trường Mầm non Kim Sơn (có dự thảo Kế hoạch kèm theo).

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng trường thống nhất phê duyệt Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Kim Sơn (Có Kế hoạch cụ thể đính kèm) theo Tờ trình của Tổ xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024- 2025 trường Mầm non Kim Sơn.

Điều 2. Căn cứ vào Kế hoạch được phê duyệt, Hiệu trưởng trường Mầm non Kim Sơn ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 theo đúng quy định.

Điều 4. Hội đồng trường Mầm non Kim Sơn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (đề t/h);
- Lưu: VT, HSCM

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Lương
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN KIM SƠN

Số: 246/QĐ-MNKS

Kim Sơn, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2021 Nghị định của Chính Phủ Quy định việc quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Điều lệ trường mầm non được Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Văn bản hợp nhất Số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 245/NQ-HĐTMNKS ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng trường Mầm non Kim Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Kim Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Kim Sơn (Nội dung cụ thể theo biểu đính kèm).

Điều 2. Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Kim Sơn là căn cứ để triển khai thực hiện chương trình GDMN và tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và là cơ sở để kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Các tổ chuyên môn và cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Mầm non Bình Dương căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, HSCM

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lương

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

Số: 246 /KH-MNKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 20 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024-2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG (CÁC VĂN BẢN)

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND quyết định về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và địa bàn phường Kim Sơn, trường MN Kim Sơn xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Cơ hội

- + Dân số độ tuổi từ 0-5 tuổi : tỷ lệ ra lớp đạt 100% trong đó MG là: 325 nhà trẻ : 80
- + Phần lớn cha mẹ trẻ là công nhân có mức thu nhập ổn định, trường nằm ở trung tâm nhiều cơ quan, doanh nghiệp luôn nhận được sự quan tâm chăm lo cho GDMN của các cấp,
- + Phụ huynh mong muốn khi gửi con đến trường sẽ được chăm sóc nuôi dưỡng khoa học, tiếp cận các mô hình giáo dục tiên tiến, các hoạt động vui chơi trải nghiệm ,,,

1.2. Thách thức:

+ Dân số độ tuổi nhà trẻ đông nhưng tỷ lệ ra lớp thấp; nếu tỷ lệ huy động ra lớp là 35% trở lên dẫn đến thiếu phòng học, thiếu giáo viên.

+ Thu nhập và khả năng tài chính, sự sẵn sàng tham gia của phụ huynh và khả năng huy động các nguồn lực, cơ hội phối hợp

+ Do đa số Phụ huynh có con em trong độ tuổi nhà trẻ là công nhân làm ca nên phần lớn gửi con, em vào các nhóm lớp MN độc lập, hoặc thuê bảo mẫu để thuận lợi trong việc đón sớm, trả muộn..

2. Bối cảnh bên trong nhà trường (điểm mạnh, điểm yếu)

2.1. Điểm mạnh:

- Quá trình thành lập và phát triển: Trường Mầm non Kim Sơn được thành lập từ năm 1974, tiền thân là trường Mẫu giáo Kim Sơn. Trải qua hơn bốn mươi năm cùng với sự phát triển và đi lên của đất nước trường mầm non Kim Sơn đã không ngừng phấn đấu vươn lên, dù ở thời điểm nào tập thể nhà trường luôn hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả tốt.

- Tóm tắt cơ cấu tổ chức:

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 38 đồng chí, trong đó nữ 38; 100 % cán bộ giáo viên đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn là 34/36 đạt 94,4%.

+ Ban giám hiệu có 03 đồng chí: 01 Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng.

+ Quy mô đào tạo:

- Tổng số nhóm lớp: 16 (Nhà trẻ: 4 nhóm; Mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 4 lớp; Mẫu giáo 4 - 5 tuổi: 4 lớp; Mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 4 lớp)

- Tổng số học sinh: 405 trẻ

+ Tổ chức Đảng: Chi bộ Đảng với 38 đảng viên, trực thuộc Đảng bộ phường Kim Sơn.

+ Công đoàn Nhà trường trực thuộc Liên đoàn Lao động thị xã Đông Triều.

+ Chi đoàn: 20 đoàn viên.

Đội ngũ giáo viên nhiệt tình tâm huyết, nhiều giáo viên có tay nghề vững, sáng tạo trong giảng dạy, tích cực tham gia các hội thi, hội giảng của Ngành tổ chức. Tại thời điểm toàn trường 26/34 giáo viên đã đạt danh hiệu dạy giỏi cấp cơ sở.

Trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường, tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoài giờ, huy động được đông đảo phụ huynh tham gia vào các hoạt động của trường và đóng góp ủng hộ tu bổ cơ

sở vật chất trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ; tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo từ thiện do địa phương và ngành phát động.

Xây dựng đội ngũ đoàn kết, thống nhất, có chất lượng chuyên môn ổn định, có phong trào thi đua thường xuyên, tạo được niềm tin đối với phụ huynh. Nhiều năm trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

2.2.Điểm yếu:

Điểm trường Khu Nhuệ hồ còn hẹp xây dựng đã lâu và xuống cấp về diện tích phòng học và diện tích khuôn viên nên việc bố trí các góc chơi trong lớp cũng như hoạt động vui chơi ngoài trời và các hoạt động trải nghiệm cho trẻ còn gặp khó khăn.

Phòng học còn thiếu: 04, phòng học cho trẻ làm quen với Tin học có một số máy Kismart đã cũ, hay bị hỏng do hết khấu hao sử dụng cần được sửa chữa, thay thế.

Một số phụ huynh học sinh chưa có sự phối hợp thường xuyên với nhà trường trong việc chăm sóc trẻ, vẫn còn trẻ suy dinh dưỡng khả năng phục hồi chậm.

- Truyền thống, thương hiệu/uy tín, triết lý/phương châm giáo dục và tầm nhìn của nhà trường

Nhà trường luôn duy trì và phát triển là địa chỉ tin cậy của các phụ huynh sớm xây dựng thành công là ngôi trường MN Kim Sơn Hạnh phúc,

- Đội ngũ: Tổng số CBGV, NV : 38 , 03 CBQL, 33 Giáo viên, 02 nhân viên

Trong đó: 36/36 có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn;

Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm tối thiểu theo quy định.

Cán bộ quản lý, giáo viên, có trình độ được đào tạo đạt chuẩn trở lên; giáo viên được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; cán bộ quản lý được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

Nhân viên có trình độ chuyên môn bảo đảm theo quy định, được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ theo vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non.

Môi trường giáo dục và các điều kiện về cơ sở vật chất. Trường có 2 điểm trường, tổng diện tích là: Hơn 7000m², 14 phòng chăm sóc, giáo dục trẻ, 01 phòng chức năng

Nhà trường đảm bảo diện tích, quy mô cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở vật chất và đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định có liên quan và đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

2.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

*** Tầm nhìn**

Trường mầm non Kim Sơn xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

Xây dựng hệ thống trường lớp đạt chuẩn Quốc gia về giáo dục và nuôi dưỡng, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất cũng như kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò, ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức, nhân cách một cách toàn diện.

*** Sứ mệnh**

Sứ mệnh của mầm non Kim Sơn là xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng. Học sinh được: “Học tập sáng tạo- Rèn luyện chăm ngoan - Vui chơi lành mạnh”. Phát triển theo phương châm “Trẻ là trung tâm trong quá trình nuôi dạy” để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh, lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những người công dân tốt.

*** Giá trị cốt lõi**

- Trẻ phát huy tính tự lập và tự học.
- Trẻ tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân
- Trẻ hình thành tính tự kỷ luật cho bản thân.
- Trẻ phát triển khả năng làm việc nhóm, biết cách hợp tác, chia sẻ cùng hướng tới thành công.
- Trẻ học được cách nuôi dưỡng các mối quan hệ và thúc đẩy tình yêu thương, sự tin tưởng lẫn nhau.

*** Phương châm hành động:**

- Chất lượng giáo dục ngày càng cao là uy tín, danh dự và thương hiệu của nhà trường.
- Từ những thực tế nêu trên trường mầm non Kim Sơn xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2023 – 2024 như sau:

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

- Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

- Đặc điểm phát triển của trẻ trong nhà trường. “Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; *khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn*; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, những năng lực, phẩm chất cần thiết làm nền tảng để trở thành công dân toàn cầu chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một và việc học tập suốt đời.

- *Giúp trẻ yêu quý quê hương, hiểu biết về phong tục tập quán của địa phương, dân tộc mình, phát triển ngôn ngữ phù hợp với lứa tuổi.*

IV. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Xác định mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục

a) Chương trình giáo dục nhà trẻ: Mục tiêu được trình bày theo 4 lĩnh vực phát triển: Thể chất; Nhận thức; Ngôn ngữ; Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 24-36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

- Trẻ biết cách tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh.
- Trẻ phát triển Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....
- *Tiếp cận nghệ thuật đa văn hóa vùng miền*

b) Chương trình giáo dục mẫu giáo: Mục tiêu được trình bày theo 5 lĩnh vực phát triển: Thể chất; Nhận thức; Ngôn ngữ; Tình cảm, kỹ năng xã hội; Thẩm mỹ

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- *Có khả năng sử dụng 1 số thao tác đơn giản trên máy tính trong chơi trò chơi, các hoạt động*

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.
- *Có khả năng Tiếp cận và làm quen với tiếng anh qua từ ngữ, câu giao tiếp đơn giản hình ảnh quen thuộc gần gũi*

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động *nghệ thuật theo hướng tiếp cận văn hóa vùng miền* có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp

2. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian

Thực hiện Chương trình GD nhà trường 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non theo công văn số: quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND quyết định về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Ngày bắt đầu học kỳ 1	Ngày kết thúc học kỳ 1	Ngày bắt đầu học kỳ 2	Ngày kết thúc học kỳ 2	Kết thúc năm học
05/09/2024	10/01/2025	13/01/2025	23/5/2025	30/5/2025

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Chế độ sinh hoạt

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ NHÀ TRẺ

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' -7h45'	Đón trẻ	7h00'-8h00'	Đón trẻ
7h45' -9h45'	Chơi - Tập	8h00' - 9h00'	Chơi - Tập
9h45' -10h45'	Ăn chính	9h00' - 10h00'	Ăn chính
10h45' - 13h15'	Ngủ	10h45' - 13h15'	Ngủ
13h15' -14h	Ăn phụ	13h15' -14h	Ăn phụ
14h-15h45	Chơi - Tập buổi chiều	14h-15h30	Chơi - Tập
15h45' -16h45'	Trả trẻ	15h30' -16h30	Trả trẻ

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' -8h00'	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng	7h00' - 8h15'	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
8h00' -8h40'	Học	8h15' -8h55'	Học
8h40' -9h30'	Chơi, hoạt động ở các góc	8h55' -9h45'	Chơi, hoạt động ở các góc
9h30' - 10h10'	Chơi ngoài trời	9h45' - 10h25'	Chơi ngoài trời
10h10' -11h10p	Ăn bữa chính	10h25' -11h35p	Ăn bữa chính
11h10' -13h40'	Ngủ	11h35' -13h55'	Ngủ
13h40' -14h10'	Ăn bữa phụ	13h55' -14h25'	Ăn bữa phụ
14h10' -15h30'	Chơi, hoạt động theo ý thích	14h25' -15h45'	Chơi, hoạt động theo ý thích
15h30' - 16h40'	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ	15h45' - 16h55'	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

3. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi (mục tiêu)

3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a. Độ tuổi nhà trẻ

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
Tổ chức ăn, uống	
MT1: Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định (Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 – 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal); Trẻ được uống đủ nước phù hợp với độ tuổi (khoảng 0,8 – 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).	- Ăn đủ bữa ăn (bữa chính và một bữa phụ) + Bữa chính buổi trưa (cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày) + Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 30% năng lượng cả ngày -Thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa - Nước uống thường xuyên trong ngày (nước chín) - Nước uống trong thức ăn
Tổ chức ngủ	
MT2: Trẻ được ngủ theo nhu cầu của độ tuổi (ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút)	- Ngủ trưa đúng giờ, ngủ đủ giấc, ngủ an toàn.
Vệ sinh	
MT3: Trẻ được vệ sinh cá nhân sạch sẽ, thường xuyên, Môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ thường xuyên được đảm bảo vệ sinh	- Rửa tay (trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... Rửa mặt khi trẻ ngủ dậy, khi có nhu cầu - Trẻ đi vệ sinh theo nhu cầu, đúng nơi quy định. - Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. - Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải ngày/lần
Chăm sóc sức khỏe và an toàn	

MT4: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. phòng chống SDD và béo phì.	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). - Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì
MT5: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp. Tiêm chủng theo quy định. Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (... các bệnh theo mùa, ...) - Theo dõi tiêm chủng theo chương trình của Y tế, uống các loại vi ta mimm - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. - Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.

b. Độ tuổi mẫu giáo

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
Tổ chức ăn, uống	
MT1: Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định (Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal) Trẻ được uống đủ nước phù hợp với độ tuổi (khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).	- Ăn đủ bữa ăn (bữa chính và một bữa phụ_) - Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. - Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 25% năng lượng cả ngày. -Thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa -Nước uống thường xuyên trong ngày (nước chín) - Nước uống trong thức ăn
Tổ chức ngủ	
MT2: Trẻ được ngủ theo nhu cầu của độ tuổi (ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút)	- Ngủ trưa đúng giờ, ngủ đủ giấc, ngủ an toàn.

Vệ sinh	
MT3: Trẻ được vệ sinh cá nhân sạch sẽ, thường xuyên. Môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ thường xuyên được đảm bảo vệ sinh	- Rửa tay (trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... Rửa mặt khi trẻ ngủ dậy, khi có nhu cầu - Trẻ đi vệ sinh theo nhu cầu, đúng nơi quy định. - Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. - Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải ngày/lần
Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT4: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống SDD và béo phì.	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). - Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì
MT5: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp. Tiêm chủng theo quy định. Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (... các bệnh theo mùa, ...) - Theo dõi tiêm chủng theo chương trình của Y tế, uống các loại vi ta mìn - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp

3.2. Giáo dục

3.2.1 Độ tuổi 24-36 tháng tuổi

MỤC TIÊU GIÁO DỤC (KẾT QUẢ MONG ĐỢI)	NỘI DUNG GIÁO DỤC
---	-------------------

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

MT6: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A Trẻ 24 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 9,7 đến 15,3 (kg) Chiều cao: 81,7 đến 93,9cm + Trẻ gái: Cân nặng: 9,1 đến 14,8 (kg) Chiều cao: 80,0 đến 92,9cm - Trẻ 36 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 đến 18,3 (kg) Chiều cao: 88,7 đến 103,5cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 đến 18,1 (kg) Chiều cao: 87,4 đến 102,7cm	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi - Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Cân trẻ 3 tháng 1 lần. Đo trẻ 3 tháng 1 lần. Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	
MT7: - Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.	
MT8: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay.

	- Đứng co một chân.
MT9: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô.	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh .
MT10: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò trong đường ngoằn ngoèo - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản
MT11: Trẻ biết nhún bật	- Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ
MT12: Trẻ thực hiện phối hợp tay - mắt trong vận động tung, bắt bóng.	- Tung - bắt bóng với cô (ở khoảng cách 1m)
MT13: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.	- Ném bóng về phía trước (ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m) - Ném bắt bóng vào đích (ném vào đích xa 1-1,2m.) - Đá bóng vào đích (đích xa 1-1,2m)
Thực hiện vận động của bàn tay ngón tay	
MT14: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	- Nhón nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách
MT15: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tổ chim: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cời cúc, cài, buộc dây - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật

MT16: Trẻ biết chấp ghép được các mảnh hình	- Chấp ghép hình - Xếp chồng 6 - 8 khối
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	
Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
MT17: Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ.
MT18: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
MT19: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định
MT20: Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
MT 21: Trẻ có một số nề nếp thói quen trong sinh hoạt hàng ngày.	.- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt : Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng, uống nước sau khi ăn và vứt rác đúng nơi quy định
MT22: Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ	- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
MT23: Trẻ biết cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn	- Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất...

MT24: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép: mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép
MT 25:. Trẻ làm được một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn	- Chuẩn bị chỗ ngủ -Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tự lấy nước uống, đi vệ sinh..
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT26: Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy (như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc đến gần.
MT 27: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Nhận biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.	
MT28: Nói được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Trẻ nói được tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT29- Trẻ biết kể tên một số lễ hội trong năm và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội đó.	- Kể tên một số lễ hội đầu xuân, lễ hội nhà trường tổ chức và biết đặc điểm nổi bật của ngày lễ, hội.
MT30: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.
MT31: Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.

MT32: Trẻ biết tên gọi của một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm.	- Tên đồ dùng, đồ chơi của bản thân, của nhóm/ lớp.
MT33: Trẻ biết gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
MT34: Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc	Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ chơi quen thuộc.
MT35: Trẻ biết gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT36: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả, rau quen thuộc.
MT37: Chỉ nói tên và lấy hoặc cắt đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh
MT38: Chỉ nói tên hặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ
MT39: Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân.	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ
MT40: Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông.
MT41: Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều)	- Số lượng (một và nhiều)
Luyện tập và phối hợp các giác quan	
MT42: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Sờ nắn số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn. - Sờ nắn nhìn ngửi nếm ...đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
MT43: Trẻ biết tìm đồ vật vừa mới cắt dấu	Tìm đồ vật vừa mới cắt dấu

MT44: Biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật. - Nghe và nhận biết tiếng kêu một số con vật quen thuộc.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
Nghe hiểu lời nói	
MT45: Trẻ nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
MT46: Trẻ nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
MT47: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói
MT48: Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì?”; “thế nào?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”; “Để làm gì?” - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao”
MT49: Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	- Nghe truyện ngắn
MT50: Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT51: Trẻ biết phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau
MT 52: Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý

MT53: Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc được các bài thơ, đồng dao ngắn có 3 - 4 tiếng
MT54: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.
MT55: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau, chào hỏi khi trò chuyện.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi khi trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: cái gì đây?, con gì đây? ...
MT56: Trẻ biết nói rõ ràng đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
MT57: Trẻ biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.	- Biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.
Làm quen với sách	
MT 58: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
MT59: Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ

MT60: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi)	- Nhận biết gọi, một số đặc điểm tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân như: mắt, mũi, miệng, tay, chân.
MT61: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích qua ánh mắt, nét mặt, trạng thái của trẻ
MT62: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử	- Giao tiếp với những người xung quanh chơi thân thiện

chỉ, lời nói.	với bạn, chơi cạnh bạn
MT63: Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và sợ hãi.	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận của cô.
MT64: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui: buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.
MT65: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.
MT66: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa , giao tiếp Chào, tạm biệt , cảm ơn, vâng ạ.
MT67: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thể hiện hành vi xã hội đơn giản.
MT68: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ chơi của bạn cùng chơi.
MT69: Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để được vào nơi quy định
MT70: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc..	- Hát và tập vận động bài hát đơn giản theo nhạc - Trẻ nghe những bài hát nhạc nước nghe
MT71: Trẻ biết lắng nghe hát, nghe nhạc, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.	Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau <i>dân ca, nhạc nước ngoài</i> , nghe âm thanh nhạc cụ.
MT72: Thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cân bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình,
MT73: Trẻ thích xem tranh	- Xem tranh ảnh theo chủ đề - Xem tranh ảnh về các sự vật, con vật gần gũi quen thuộc .

Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện: từ ngày 05/09/2024 - 23/05/2025

Số thứ tự	Tên chủ đề dự kiến	Số tuần
HỌC KỲ I (Thời gian từ 05/09/2024 đến 10/01/2025)		
1	Bé và các bạn	4 tuần (05/9/2024-04/10/2024)
2	Đồ chơi của bé	4 tuần (07/10/2024 - 01/11/2024)
3	Các cô các bác trong nhà trẻ	4 tuần (04/11/2024-29/11/2024)
4	Mẹ và những người thân yêu của bé	4 tuần (02/12/2024 - 27/12/2024)
5	Cây và những bông hoa đẹp	3 tuần (30/12/2024 - 17/01/2025)
HỌC KỲ II (Thời gian từ 13/01/2025 đến 23/05/2025)		
NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN		
(Thời gian nghỉ từ 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025 (tức 28 tháng chạp đến 11 tháng giêng âm lịch))		
6	Mùa xuân và Tết	2 tuần (20/01/2025 - 14/02/2025)
7	Những con vật đáng yêu	4 tuần (17/02/2025 - 14/03/2025)
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì	4 tuần (17/03/2025 - 11/04/2025)
9	Mùa hè đến rồi	3 tuần (14/04/2025 - 02/05/2025)
10	Bé lên mẫu giáo	3 tuần(05/05/2025 - 23/05/2025)
Cộng	10 chủ đề	35 tuần

3.2.2 Độ tuổi 3- 4 tuổi

Mục tiêu giáo dục năm học (kết quả mong đợi)	Nội dung giáo dục năm học
Lĩnh vực phát triển thể chất	
Phát triển vận động	
MT6: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: Cân nặng: 12,7 – 21,1kg Chiều cao: 94,9 – 111,7cm + Trẻ gái: Cân nặng: 12,3 – 21,5kg Chiều cao: 94,1 – 111,3	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Cân trẻ 3 tháng 1 lần. - Đo trẻ 3 tháng 1 lần - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.
Thực hiện được các động tác phát triển cơ và hô hấp	
MT7: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên. Co duỗi chân + Bật tại chỗ

Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT8: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	- Đi kiễng gót(Đi kiễng gót liên tục 3 m) - Đi trong đường hẹp (Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)
MT9: Trẻ kiểm soát được vận động đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đi đổi hướng theo đường đích đặt.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo đường đích đặt
MT10: Trẻ kiểm soát được vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, theo hướng đích đặt	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt
MT11: Trẻ có thể chạy liên tục trong đường đích đặt (3-4 điểm zíc zắc) không chệch ra ngoài	- Chạy liên tục trong đường đích đặt (3-4 điểm đích đặt) không chệch ra ngoài.
MT12 : Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong vận động chạy liên tục theo hướng thẳng	-Chạy 15 m liên tục theo hướng thẳng
MT13: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động ném	- Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay (Ném trúng đích nằm ngang xa 1,5m)
MT14; Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động chuyền bắt bóng	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT15: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động Lăn, Đập, Tung bắt bóng	- Lăn và bắt bóng với cô - Đập và bắt bóng (Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). - Tung bắt bóng với cô (Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m)
MT16: Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong vận động bò	- Bò theo hướng thẳng, bò zíc zắc - Bò chui qua cổng.

MT17 : Trẻ có thể khéo léo bò trong đường hẹp không chệch ra ngoài	- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m)
MT18: Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong vận động trườn	- Trườn theo hướng thẳng, - Trườn về phía trước.
MT 19: Trẻ có thể bước lên, xuống bục cao (cao 30cm).	- Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm).
MT 20: Trẻ thực hiện bật xa tối thiểu 25 cm	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25 cm
MT21 : Trẻ có thể thực hiện 2 vận động cơ bản theo khả năng hoặc theo yêu cầu.	- Kết hợp thực hiện 2 vận động cơ bản không cùng dạng. - Bài tập tổng hợp
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	
MT22: - Trẻ biết thực hiện các vận động của bàn tay, ngón tay	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Xoay tròn cổ tay
MT23: Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Đan (len, dây duy băng, giấy..), tết (tóc, len, dây duy băng..). - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Tụ cài, cởi cúc. - Vẽ hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng một đoạn 10cm

Giáo dục dinh dưỡng	
Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
MT24: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Gọi tên, nhận biết của một số loại rau củ, quả, thực phẩm quen thuộc mà trẻ biết(Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
MT25: Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc
MT26: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất
Thực hiện một số việc tự phục vụ cho sinh hoạt	
MT27: Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
MT28: Trẻ biết một số hành vi, thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn. - Uống nước đã đun sôi.
MT29: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng cách.	- Sử dụng ca, cốc, bát thìa đúng cách
Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT30: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi....	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT31: Có một hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu

Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT32: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh xa phích nước nóng, ổ cắm điện, bếp đang nấu... - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT33: Biết tránh nơi không an toàn, nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm: ao, hồ, bể nước, giếng, hố vôi....
MT34: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật sắc nhọn gây nguy hiểm đến tính mạng - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
MT35: Trẻ biết được các bộ phận của cơ thể con người	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
MT36: Trẻ biết được một số phương tiện giao thông	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
MT37: Trẻ biết một số quy định giao thông dành cho người đi bộ	- Trò chuyện, đàm thoại về một số quy định đơn giản về luật giao thông đường bộ(đi trên vỉa hè và bên phải đường...) - Quan sát trò chuyện về những chỉ dẫn của một số biển báo giao thông đơn giản(Đèn hiệu giao thông)

MT38:Trẻ biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của các con vật	Tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật mà trẻ biết
MT39:Trẻ biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của các loại cây, hoa, quả quen thuộc	- Gọi tên, đặc điểm nổi bật và ích lợi của các loại cây, hoa, quả quen thuộc (rau ăn lá, rau ăn quả...)
MT40:Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ các loại cây, hoa, quả	- Quan sát: Trồng cây, gieo hạt, sự lớn lên của các loại cây - Cách chăm sóc và bảo vệ các loại cây, hoa, quả (tưới nước, bắt sâu nhổ cỏ, không bẻ cành ...)
MT41:Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật	- Chăm sóc, bảo vệ các con vật (cho ăn, không đánh đập các con vật ...)
MT42:Trẻ biết được môi trường sống của các con vật	- Biết được nơi sống của các con vật
MT43:Trẻ biết được môi trường sống của các loại cây, hoa, quả	- Biết được cây sống được cần có (nước, đất, phân bón..)
MT44:Trẻ biết một số hiện tượng thiên nhiên	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Không khí, ánh sáng + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
MT45:Trẻ nhận biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Mặt trời, mặt trăng
MT46:Trẻ biết được một số tính chất, đặc điểm của đất, đá, cát, sỏi.	- Phân biệt được từng nguyên liệu như đất đá, cát, sỏi. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 47: Trẻ nhận biết được ích lợi của nước trong sinh hoạt hàng ngày.	+ Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
MT48:Trẻ tìm hiểu, quan sát và nhận xét đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng như: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay vật nổi, xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. - Phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.

MT49: Trẻ nhận được một số đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT50: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện được các vai của trò chơi đóng vai theo chủ đề, các hoạt động âm nhạc, tạo hình
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán Nhận biết, đếm, số lượng	
MT51: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm theo khả năng - Trẻ biết đếm số bằng tiếng anh
MT52: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 - Trẻ biết đếm số bằng tiếng anh
MT53: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều
MT 54: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
MT55: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.
Sắp xếp theo quy tắc	
MT56: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Xếp xen kẽ
- So sánh hai đối tượng	
MT57: Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn: dài hơn/ ngắn hơn: cao hơn/ thấp hơn: bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.
Nhận biết hình dạng	
MT58: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình, hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong

	thực tế. - Sử dụng các hình học để lắp ghép
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT59: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân
Khám phá xã hội Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT60: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân
MT61: Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố, mẹ, những người thân trong gia đình.
MT62: Trẻ biết được tên địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Tên, địa chỉ gia đình của trẻ
MT63: Trẻ nói được tên lớp/ tên trường, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT64: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề phổ biến xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm ích lợi của của một số nghề phổ biến
MT65: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề của quê hương Kim Sơn(Cây rau gia vị, con rươi, con cáy)	- Tên gọi, sản phẩm ích lợi của của một số nghề truyền thống ở địa phương. - Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số sản phẩm đặc trưng quê hương Kim Sơn (Cây rau gia vị, con rươi, con cáy)
- Nhận biết một số lễ hội danh lam thắng cảnh	
MT66: Trẻ có thể kể tên một số lễ hội : Ngày khai giảng, tết	- Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm

Trung thu ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Trẻ kể tên một số lễ hội của địa phương
MT67: Trẻ có thể biết tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. - Trẻ kể tên được một số danh lam thắng cảnh của các địa phương khác
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
Nghe hiểu lời nói	
MT68: Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản, Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”	- Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản - Phản hồi bằng cử chỉ và trả lời bằng 1-2 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên;
MT69: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Nghe, hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, thể hiện gần gũi, quen thuộc.
MT70: Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.	-Lắng nghe người khác nói, nghe và hiểu rõ thông tin (yêu cầu, chỉ báo)
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT71: Trẻ biết nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Nói rõ ràng
MT72: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động
MT73: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”
MT74: Trẻ biết kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của	- Kể lại được sự việc

bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim....	
MT75: Trẻ đọc thuộc bài thơ đồng dao, ca dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
MT76: Trẻ biết lắng nghe truyện, kể lại truyện đơn giản đã được nghe, được xem	- Lắng nghe truyện. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe
MT77: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	- Nghe sử dụng các từ biểu cảm - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên
MT 78: Trẻ có thể kể chuyện theo tranh.	- Mô tả sự vật , tranh ảnh có sự giúp đỡ - Kể chuyện theo tranh, ảnh (sáng tạo)
MT79: Trẻ sử dụng được các từ: vâng ạ”..” Dạ”: “ Thưa”.. trong giao tiếp.	- Nghe sử dụng các từ biểu thị, lễ phép(thưa, gửi khi xin phép, biết xưng hô ...)
MT80: Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp Mạnh dạn, điều chỉnh giọng phù hợp: Không la hét, nói quá to hay lí nhí. Giơ tay trong giờ học khi muốn nói, chờ tới lượt nói.
Làm quen với việc đọc và viết	
MT81: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT82: Trẻ biết cầm sách để xem.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện - Giữ gìn, bảo vệ sách - Được tiếp xúc với chữ viết, sách truyện - Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
MT83: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ

trong tranh.	
MT84: Trẻ thích vẽ, “viết” nghịch ngoạc.	- Làm quen với cách viết tiếng việt - Hướng viết của các nét chữ
MT85: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống,	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ, ...)
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
Thể hiện ý thức về bản thân	
MT86: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính - Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân
MT87: Trẻ nói được điều bé thích hay không thích	- Những điều bé thích, không thích.
Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT88: Trẻ thể hiện mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi	- Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi... cùng bạn - Trả lời câu hỏi của cô giáo
MT89: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Chấp nhận sự phân công của người lớn - Thực hiện công việc đơn giản được cô giáo giao
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	
MT90: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
MT91: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động
MT92: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
MT93: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	

MT94: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT95: Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột
MT96: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Có cử chỉ, lời nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết những hành vi đúng, sai, tốt, xấu. - <i>Biết cách chào hỏi bằng tiếng anh như “ hello”, “Good bye” ; “Sory” ...</i>
MT97: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác
MT98: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt
Quan tâm đến môi trường	
MT99: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối, con vật.
MT100: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường không vứt rác bừa bãi.
MT101: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra ngoài	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	
MT102: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT103: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ: thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau - Có thái độ vui tươi, thích thú hoặc buồn...thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của bài hát, bản nhạc, thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè

	- Trẻ nghe nhạc các vùng miền khác nhau
MT104: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT105: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên
MT106: Trẻ thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc. - sử dụng bộ gõ cơ thể với những bản nhạc nước ngoài, dân ca
MT107: Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo gợi ý
MT108: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản, biết tô màu theo sự hướng dẫn.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản, biết tô màu theo sự hướng dẫn.
MT109: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT110: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT111: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT112: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(Âm nhạc, tạo hình)	
MT113: Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc, nhạc dân ca, nhạc nước ngoài

MT114: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích - Thiết kế 1 số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày theo chủ đề
MT115: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết giữ gìn sản phẩm - Đặt tên cho sản phẩm của mình
MT116: Trẻ có thể cùng cô nhận dạng, phát âm được 1 số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt	- Nhận dạng , phát âm chữ cái qua trò chơi - Trò chơi chữ cái

Dự kiến kế hoạch chủ đề và thời gian thực hiện : Từ 5/09/2024-23/05/2025

HỌC KỲ I (Thời gian từ 05 /09/2024 đến 10/01/2025)				
stt	Tuần	Tên chủ đề	Các sự kiện	Thời gian thực hiện
1	4 tuần	Trường mầm non	Ngày Quốc Khánh 02/9 - Khai giảng ; Tết trung thu	Từ 05/09/2024 đến 04/10/2024

2	3 tuần	Bản thân	Ngày PNVN 20/10	Từ 07 /10/2024 đến 25/10/2024
3	3 tuần	Gia đình		Từ 28/10/2024 đến 15/11/2024
4	4 tuần	Nghề nghiệp	Ngày nhà giáo VN 20/11	Từ 18/11/2024 đến 13 /12/2024
5	4 tuần	Thế giới động vật	Ngày QĐND Việt Nam 22/12	Từ 16/12/2024 đến 10/01/2025
HỌC KỲ II (Thời gian từ 13/01/2025 đến 23/05/2025)				
NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN (Thời gian nghỉ từ 05/02/2024 đến hết ngày 17/02/2024 (tức 26 tháng chạp đến 07 tháng giêng âm lịch))				
6	3 tuần	Tết và mùa xuân		Từ 13/01/2025 đến 14/02/2025
7	4 tuần	Thế giới thực vật	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3	Từ 17/02/2025 đến 14/03/2025
8	3 tuần	Nước - Các hiện tượng		Từ 17/03/2025 đến 04/04/2025
9	4 tuần	Các loại phương tiện phương tiện giao thông	Ngày GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5	Từ 07/04/2025 đến 02/05/2025
10	3 tuần	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	- Ngày sinh nhật Bác 19/05	Từ 05/05/2025 đến 23/05/2025
Tổng	35 tuần – 10 chủ đề.			

3.2.3 Độ tuổi 4-5 tuổi

Mục tiêu giáo dục năm học (Kết quả mong đợi)	Nội dung giáo dục năm học
1.Lĩnh vực phát triển thể chất	
Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT06: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình	- Trẻ phải được khám sức khoẻ định kỳ 1 năm 2 lần. Và

thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé trai: cân nặng là 14,1 kg-24,2 kg và chiều cao là: 100,7cm -119,2cm - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé gái: cân nặng là: 13,7 kg-24,9 kg. và chiều cao là: 99,9 - 118,9cm.	thường xuyên được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng. - Được cân và đo chiều cao 3 tháng 1 lần.
- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT07 : Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	* Động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. * Động tác phát triển các nhóm cơ: - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.

Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT08 : Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động Đi	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m
MT09 :Trẻ kiểm soát được vận động đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn
MT10 : Trẻ kiểm soát được vận động chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn(4-5 vật chuẩn đặt zích zắc)	-Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
MT11 :Trẻ có thể chạy nhanh chậm thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60-80m
MT12 : Trẻ biết phối hợp các kĩ năng trong vận động bò	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6m
MT13 : Trẻ biết khéo léo trườn theo hướng thẳng	- Trườn theo hướng thẳng
MT14 :Trẻ biết thực hiện các vận động trèo lên xuống ghế, thang	-Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm - Trèo lên xuống 5 giống thang
MT 15 :Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động ném.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích thẳng đứng : (xa 1,5m X cao 1,2 m) - Ném trúng đích ngang (xa 2m)
MT 16 :Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, chuyền bắt bóng	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện

	- Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT 17 :Trẻ có thể thực hiện được vận động tự đập và bắt bóng	- Đập và bắt bóng tại chỗ - Tự đập và bắt bóng 4-5 lần liên tiếp
MT18 :Trẻ biết phối hợp cơ chân, toàn thân để thực hiện các vận động bật.	- Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35 - 40 cm - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15cm
MT19: Trẻ có thể bật nhảy từ trên cao xuống	- Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35 cm)
MT20: Trẻ biết phối hợp chân trong vận động nhảy lò cò	- Nhảy lò cò 3 m
MT21: Trẻ có thể thực hiện phối hợp 2 vận động cơ bản	-Thực hiện 2 vận động cơ bản (không cùng dạng) theo khả năng - Bài tập tổng hợp
Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt	
MT 22: Trẻ thực hiện được các vận động Cuồn- xoay tròn cổ tay. Gập mở các ngón tay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nôi... - Gập giấy.
MT 23 :Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động	- Lắp ghép hình. - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình. - Biết tết sợi đôi - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
MT24: Trẻ nhận được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng.) - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn

	uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn (Rau luộc, nấu canh ; Thịt luộc, dán, kho ; Gạo nấu cơm, nấu cháo) - Nhận biết một số đặc sản vùng miền như rươi, cáy và cách chế biến...
MT 25: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	Biết một số thực phẩm cùng nhóm - Thịt cá ... nhiều chất đạm - Rau quả chín có nhiều vitamin
MT 26 :Lựa chọn thực phẩm lành mạnh, ăn uống đủ chất, cân đối, thử thức ăn mới.	Biết các loại thực phẩm tốt cho sức khỏe, cần ăn phối hợp các loại thực phẩm, thử ăn thức ăn mới. -Biết ăn sáng đầy đủ, ăn đồ ăn lành mạnh khi ăn ở ngoài.
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT 27 :Trẻ có thể tập làm 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	-Tập đánh răng, lau mặt. Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi ướt, bẩn - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. -Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 28 :Trẻ có một số thói quen, hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn trong khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ - Ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không ăn thức ăn có mùi ôi, hoa quả lạ...

	- Không tự ý uống thuốc.
MT 29 : Trẻ biết một số hành vi văn minh.	- Thực hiện một số hành vi văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
MT 30 : Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách;
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT 31 :Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn. Và phòng tránh.	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Không chơi gần ao, hồ mương, bể chứa nước, - Không nghịch vật sắc nhọn - Tránh không sờ bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.
MT 32: Trẻ biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	- Biết một số biểu hiện khi ốm như mệt, đau đầu, sốt, nôn mửa...và cách phòng tránh đơn giản.
MT 33: Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	-Không đi theo, không nhận quà khi chưa được người thân, cô giáo cho phép
MT34: Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và biết gọi người giúp đỡ	- Gọi người lớn khi bị chảy máu, khi có người rơi xuống nước - Biết gọi người giúp đỡ khi đi lạc.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	
MT 35: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước ; Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán (

	pha màu/đường/muối vào nước dự đoán, quan sát, nhận xét, so sánh) - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
MT36: Trẻ biết đặc điểm của không khí ,ánh sáng và tác dụng của nó	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT37: Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết các vấn đề đơn giản	
MT38: Trẻ nhận biết được đặc điểm của động vật	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, ích lợi và tác hại đối với con người - Quan sát, so sánh, phân loại một số vật nuôi trong gia đình; Một số con vật sống trong rừng; Một số con vật sống dưới nước; Một số loại côn trùng.. - Phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật - Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật - <i>Gọi tên một số con vật bằng tiếng anh</i>
MT 39 : Trẻ nhận biết một số đặc điểm của thực vật	- Đặc điểm bên ngoài của cây hoa quả, ích lợi và tác dụng đối với con người - Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; -Quan sát, so sánh, phân loại một số loại cây; hoa; rau; quả... - Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng

	vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ... - Phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các loại cây, hoa, quả - Phân loại cây, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ cây
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT40 : Trẻ biết được chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể	- Chức năng của các giác quan, các bộ phận khác của cơ thể. - <i>Trẻ biết Bộ phận cơ thể: tay, chân, tóc, mũi, miệng bằng tiếng anh</i>
MT 41: Trẻ nhận được một số đồ dùng trong sinh hoạt	- Đặc điểm công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày. - Nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 1 hoặc 2 đồ dùng - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên theo công dụng hoặc chất liệu.
MT 42: Trẻ biết Phân loại đồ dùng, đồ chơi	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu như công dụng, chất liệu,... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu..
MT 43: Nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa sự vật, hiện tượng quen thuộc.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT 44 : Trẻ Nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.

MT 45 : Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh. Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra	- Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa
MT 46 : Trẻ biết thời tiết, mùa	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Thứ tự các mùa trong năm - Quan sát, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. - Ảnh hưởng của thời tiết, mùa đến sinh hoạt của con người. - <i>Trẻ biết gọi tên 4 mùa bằng tiếng anh</i>
MT 47 : Trẻ biết ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận -- <i>Trẻ biết gọi tên mặt trời, mặt trăng bằng tiếng anh</i>
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
- Nhận biết số đếm, số lượng	
MT 48 : Trẻ nhận biết chữ số, số lượng Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - <i>Gọi tên các số đếm bằng tiếng anh</i>
MT49 : Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10	- So sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10
MT 50 : Trẻ có thể tập hợp các nhóm đối tượng	- Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn

	- Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ t
MT 51 :Nhận biết được ý nghĩa các con số tự nhiên	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
Sắp xếp theo quy tắc	
MT 52 : Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
So sánh hai đối tượng	
MT 53 : Trẻ biết xếp tương ứng	- Xếp tương ứng 1-1 ; ghép đôi
MT 54 : Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo lường bằng một đơn vị đo	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
Nhận biết hình dạng	
MT 55 :Nhận biết sự giống và khác nhau của các hình, hình học	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 56 : Trẻ biết định hướng trong không gian	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ. Và so với bạn khác.(Phía trước- phía sau ; Phía trên- Phía dưới ; Phía phải, phía trái).
MT 57 : Trẻ có thể định hướng về thời gian	- Các buổi: sáng trưa, chiều, tối.
Khám phá xã hội: Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 58 : Trẻ nhận biết về bản thân	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT 59 : Trẻ nhận biết về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.

MT 60 : Trẻ nhận biết về trường mầm non, cộng đồng	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 61 : Trẻ nhận biết được một số nghề trong xã hội,	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến,
MT 62: Trẻ nhận biết một số nghề truyền thống ở địa phương	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi, sản phẩm của một số nghề truyền thống ở địa phương.
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
MT 63 : Trẻ biết danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước - Trẻ kể được các khu di tích, đền chùa của phường Kim Sơn
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
- Nghe và hiểu lời nói	
MT 64: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 – 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày - <i>Trẻ biết chào hỏi câu đơn giản bằng tiếng anh</i>
MT 65: Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ..	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
MT 66: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Chú ý lắng nghe, không ngắt lời, chờ đến lượt mình nói
- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:	

MT67: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?” - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT68: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động
MT 69: Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau - Trả lời và đặt câu hỏi
MT 70: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
MT 71: Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
MT 72: Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc	-Kể lại truyện đã được nghe
MT 73:Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch
MT 74: Sử dụng được các từ như: “mời cô” “mời bạn” “xin phép” “thưa” “dạ” “vâng”...phù hợp với tình huống	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Lễ phép(thưa gửi khi xin phép , biết xưng hô ...) - biết cảm ơn, xin lỗi; giơ tay trong giờ học khi muốn nói chờ tới lượt nói.
MT 75: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Mạnh dạn, điều chỉnh giọng phù hợp: Không la hét, nói quá to hay lí nhí.
- Làm quen với việc đọc, viết	
MT76: Trẻ biết chọn sách để xem	-Xem và nghe đọc các loại sách. Truyện khác nhau

MT 77: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc vẹt” theo tranh minh họa	- Làm quen với cách đọc + Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Đọc ngắt nghỉ sau các dấu chấm - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ
MT78: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT79: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm...)	- Các biểu tượng ký hiệu riêng của trường như; Lối lên xuống cầu thang(mũi tên), hãy im lặng (ngón tay trên miệng) hãy lắng nghe - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ....)
MT 80; Trẻ có thể nhận dạng, phát âm đúng được một số chữ cái.	- Nhận dạng một số chữ cái, nhận biết phát âm một số chữ cái theo khả năng
MT 81 : Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của các nét chữ: - Làm quen với hướng viết các nét chữ - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái
MT82; Trẻ có thể tập tô, tập đồ các nét chữ cái	-Tập tô, tập đồ các nét chữ cơ bản(nét thẳng, nét cong, nét cong tròn , nét xiên trái, nét xiên phải ... - Tập tô, đồ chữ cái theo khả năng
4. Lĩnh vực tình cảm và kỹ năng xã hội	
- Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 83: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố,	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ

mẹ	
MT 84 : Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân
-Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT 85: Trẻ biết tự chọn đồ chơi và chơi theo ý thích	- Chọn các trò chơi, đồ chơi mà trẻ thích để chơi
MT 86: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trục nhật, dọn đồ chơi)	- Biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn - Hoàn thành công việc được cô giáo giao
-Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 87 : Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT 88 : Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
MT 89 : Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	- Bác Hồ là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc - Lăng Bác ở Thủ đô Hà Nội
MT 90 : Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác
MT 91 : Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 92 :Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ ; trật tự khi ăn, khi ngủ ; đi bên phải lề đường..)
MT 93 : Trẻ biết nói lời cảm ơn,xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói cử chỉ lễ phép
MT 94 : Trẻ biết yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình

MT 95: Trẻ tập trung chú ý khi nghe cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác
MT 96: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt hợp tác
MT 97: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Quan tâm giúp đỡ bạn
MT 98 :Trẻ biết phân biệt hành vi ‘Đúng - sai’ ; ‘ Tốt- xấu’	- Phân biệt hành vi ‘Đúng - sai’ ; ‘ Tốt- xấu’
- Quan tâm đến môi trường	
MT 99 :Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Chăm sóc con vật và cây cối
MT 100 : Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
MT 101: Trẻ không bẻ cành , bứt hoa	- Bảo vệ chăm sóc cây cối
MT 102 : Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	
MT 103 : Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh qua các tác phẩm nghệ thuật.
MT 104 : Trẻ chú ý nghe, thích thú (Hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc ; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ ; Thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca..) - Có thái độ vui tươi, hồ hởi, thích thú hoặc buồn bã....., thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc
MT 105: Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng,,) của các tác phẩm tạo hình	- Thể hiện thái độ, tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	

MT 106: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 107 : Trẻ biết thực hiện vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức khác nhau	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 108 : Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm
MT 109 : Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc và bố cục, đường nét
MT 110 : Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, dán để tạo ra sản phẩm
MT 111 : Trẻ biết cách làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Sử dụng các kỹ năng nhào đất, nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dạng
MT 112: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng
MT 113 : Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng/ đường nét.
-Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	
MT 114: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc - Vận động nhịp nhàng theo giai đoạn điệu, nhịp điệu bài hát của các bài hát, bản nhạc
MT 115 : Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo theo nhịp điệu bài hát
MT 116: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình

hình theo ý thích	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 117 : Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình

Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện: từ ngày 05/09/2024-23/05/2025

STT	Tuần	Tên chủ đề	Các sự kiện	Thời gian thực hiện
HỌC KỲ I: Từ 05/09/2024 đến 10/01/2025				
1	4 tuần	Trường mầm non	Ngày Quốc Khánh 02/9 - Khai giảng ; Tết trung thu	(Từ 05/09/2024 đến 04/10/2024)

2	3 tuần	Bản thân	Ngày PNVN 20/10	Từ 07/10/2024 đến 25/10/2024
3	3 tuần	Gia đình của bé		Từ 28/10/2024 đến 15/11/2024
4	4 tuần	Những nghề bé biết	Ngày nhà giáo VN 20/11	Từ 18/11/2024 đến 13/12/2024
5	4 tuần	Những loài cây thú vị quanh bé	Ngày QĐND Việt Nam 22/12	Từ 16/12/2024 đến 10/01/2025
HỌC KỲ II Từ 13/01/2025 đến 23/05/2025 NGHỈ TẾT: Từ 27/01/2025 đến 08/02/2025				
6	2 tuần	Tết- Mùa Xuân		Từ 13/01/2025 đến 24/01/2025
7	4 tuần	Những con vật ngộ nghĩnh	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3	Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025
8	4 tuần	Thiên nhiên diệu kỳ		Từ 10/03/2025 đến 04/04/2025
9	4 tuần	Bé vui học giao thông	Ngày GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5	Từ 07/04/2025 đến 02/05/2025
10	3 tuần	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	- Ngày sinh nhật Bác 19/05	Từ 05/05/2025 đến 23/05/2025

3.2.4 Độ tuổi 5-6 tuổi

Mục tiêu giáo dục năm học (Kết quả mong đợi)	Nội dung giáo dục năm học
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
MT06: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo	- Trẻ phải được khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần.

lứa tuổi: + Cân nặng: . Trẻ trai: 15,9 – 27,1 kg . Trẻ gái: 15,3 – 27,8 kg + Chiều cao: . Trẻ trai: 106,1 – 125,8 cm . Trẻ gái: 104,9 – 125,4 cm	Theo dõi cân đo sức khỏe: Cân và đo chiều cao 3 tháng 1 lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.
Phát triển vận động- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT07; Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. Thực hiện được các vận động: uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; gập mở lần lượt từng ngón tay.	- Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bắp vai: + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. + Đưa tay ra phía trước, sau. + Đưa tay ra trước, sang ngang. + Đánh xoay tròn 2 cánh tay. + Đánh chéo 2 tay ra 2 phía trước, sau. + Luân phiên từng tay đưa lên cao. + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; gập mở lần lượt từng ngón tay - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Đứng, cúi về trước. + Đứng quay người sang 2 bên. + Nghiêng người sang 2 bên.

	+ Cúi về trước ngửa ra sau. + Quay người sang 2 bên. - Các động tác phát triển cơ chân: + Khụy gối. + Bật đưa chân sang ngang. + Đưa chân ra các phía. + Nâng cao chân gập gối. + Bật về các phía.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động	
MT08: Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động Bật	- Bật nhảy bằng cả 2 chân ; Bật liên tục vào vòng ; Bật tách khếp chân qua 7 ô ; Bật qua vật cản cao 15-20cm;
MT 09: Trẻ biết: Bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)	-Bật xa 40- 50cm
MT10: Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40 cm.(CS2)	- Bật - nhảy từ trên cao xuống (40- 45cm) ; Bật sâu 40 cm
MT 11: Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m.(CS3)	- Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4m)
MT 12: Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.(CS4)	- Trèo lên xuống 7 giống thang; Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.
MT 13: Trẻ biết khéo léo phối hợp tay, chân, toàn thân trong vận động trườn.	- Trườn sấp ; trườn theo khả năng
MT14: Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	- Nhảy lò cò 5m; Nhảy lò cò 5 - 7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu
MT 15: Trẻ biết: Đạp và bắt bóng bằng 2 tay.(CS10)	- Đạp và bắt bóng bằng 2 tay; Đi và đạp bắt bóng bằng 2 tay.
MT 16: Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m);

	Đi trên dây (dây đặt trên sàn); Đi nổi bàn chân tiến, lùi; Đi bằng mép ngoài bàn chân; Đi khuyu gối
MT 17: Trẻ có thể: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 -7 s.(CS12)	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120 m
MT 18: Trẻ có thể: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.(CS13)	-Chạy chậm 150 m; Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian..
MT 19: Trẻ có thể: Tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30s (CS14)	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, , hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút. - Lòng ghép chuyên đề xây dựng trường mầm non hạnh phúc: Đảm bảo tất cả trẻ đều được tạo cơ hội học tập qua chơi và bằng nhiều cách khác nhau phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng bản thân trẻ (thông qua các hoạt động giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian giữa các lớp, tổ, nhóm, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống).
MT 20: Trẻ biết bò qua 5,7 điểm đích đặt cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	- Bò đích đặt qua 7 điểm; Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m
MT 21: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.
MT 22; Trẻ có thể Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng	- Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh; Đi thay đổi tốc độ

hiệu lệnh(Đổi hướng ít nhất 3 lần)	theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng tốc độ, hướng đích đặc theo hiệu lệnh
MT23: Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động Ném.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay; Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay
MT 24: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động tung, chuyền	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung, đập bóng tại chỗ ; - Chuyền, bắt bóng qua đầu và chân
MT25: Trẻ có thể phối hợp thực hiện 2 vận động cơ bản trở lên Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Thực hiện hai vận động cơ bản (không cùng dạng) - Bài tập vận động tổng hợp
- Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt	
MT 26: Trẻ biết tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6)	- Tô màu không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ - Tô đồ theo nét
MT 27: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.(CS7)	- Xé, Cắt rời được hình không bị rách - Đường cắt luôn sát theo nét vẽ
MT 28: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.(CS8)	- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Phết hồ đều, dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. - Sản phẩm không bị rách.
Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe	
Một số món ăn thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe	
MT29: Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất; - Kể tên các món ăn phù hợp với từng mùa.

	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...), biết các thức ăn không có lợi cho sức khỏe.
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT 30: Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS5)	- Tự mặc quần áo đúng cách. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây giày, cài quai dép. - Mặc các loại áo chui đầu, đóng cúc áo sao cho hai vạt áo bằng nhau.
MT 31: Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.(CS15)	- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn đúng các thao tác quy định ở mọi lúc mọi nơi (Trên lớp, tại gia đình và nơi công cộng)
MT 32: Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày.(CS16)	-Luyện, thực hành kỹ năng đánh răng, Kỹ năng rửa mặt, lau mặt,
MT 33: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.(CS18)	- Tự chải đầu, giữ đầu tóc , quần áo gọn gàng, sạch sẽ, không bôi bẩn vào quần áo. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.
MT 34: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay
MT 35: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giặt, giặt nước cho sạch	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 36: Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.(CS17)	- Nhận biết một số hành động văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
MT 37: Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ	-Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa

thể.(CS20)	chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT 38: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	- Kể tên một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe - Luyện tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT 39: Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.(CS23)	- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga.... những nơi không an toàn, phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn.
MT 40: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.(CS21)	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như sử dụng những vật sắc nhọn đánh nhau, cào, cứa bạn.... , những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo; những mảnh cốc thủy tinh , mảnh gương bị vỡ....
MT41: Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.(CS22)	- Nhận ra một số việc làm có thể gây nguy hiểm đối với bản thân và người xung quanh. - Biết một số việc làm có thể gây nguy hiểm như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp ga, nghịch dao, kéo... và không làm những việc gây nguy hiểm đó.
MT42: Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.(CS24)	- Biết tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi.

	+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn cô giáo. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn cô giáo.) + Khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
MT43: Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.(CS25)	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp như cháy nổ, tai nạn...và gọi người đến giúp đỡ. Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT44: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.(CS26)	- Tác hại thông thường của hút thuốc lá hoặc ngửi phải khói thuốc lá.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
MT 45: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận cơ thể con người.	- Tìm hiểu tên gọi, chức năng, công dụng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể . - <i>Trẻ biết tên các bộ phận cơ thể bằng tiếng anh</i>
MT46: Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng(CS96)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Phân loại đồ dùng, đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.
MT47: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Khám phá, tìm hiểu về: tên gọi, đặc điểm, công dụng,

	nơi hoạt động, cách sử dụng của một số phương tiện giao. - So sánh, phân loại các phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu. - Tên gọi, ý nghĩa của biển báo giao thông quen thuộc. - Một số qui định khi tham gia giao thông.
MT 48: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
MT49 :Trẻ biết đặc điểm của không khí ,ánh sáng và tác dụng của nó	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT 50 :Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 51:Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.(CS92)	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả, rau. - Gọi tên các con vật/ cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 con vật/ cây/ hoa quả. - Đặt tên cho nhóm những con/ cây/ hoa quả... bằng những từ khái quát. - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả, rau
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT 52:Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật và một số hiện tượng tự nhiên.(CS 93)	- Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ con vật/ hoa quả thể hiện trên tranh.

	- Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. - So sánh sự giống và khác nhau theo 2 – 3 dấu hiệu của cây/ con vật/ hoa quả. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, hoa quả và các hiện tượng tự nhiên với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT 53: Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.(CS94)	- Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa, thứ tự các mùa. - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT 54: Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(CS95)	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm ; mặt trời, mặt trăng . - Áp dụng phương pháp Reggio Emilia cho trẻ Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra - Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải

	thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
MT 55: Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. (CS114)	- Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc.
MT 56: Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)	- Tò mò tìm tòi, khám phá các SVHT xung quanh như đặt câu hỏi về SVHT ‘ Tại sao có mưa’
MT 57: Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật - Hát vận động các bài hát về cây, con vật - Vẽ, xé, nặn các con vật
Khám phá xã hội - Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 58: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình
MT 59: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ ; Sở thích của các thành viên trong gia đình ; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình - <i>Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản bằng tiếng anh</i>
MT 60: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại(nếu có)... khi được hỏi trò chuyện	- Địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại..
MT 61: Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của các bạn trong lớp; các hoạt động của trẻ ở trường.

	- Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp; Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện
MT 62: Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.(CS113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới, thể hiện ý thích khám phá của riêng mình như ; thích búp bê, ô tô...)
MT 63:Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình (CS118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ - Tạo ra những sản phẩm không giống bạn - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 64:Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.(CS98)	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm của nghề, các hoạt động và ý nghĩa các nghề phổ biến
MT 65: Trẻ có những hiểu biết về Nghề truyền thống ở địa phương.	- Tên gọi, đặc điểm, ích lợi, sản phẩm của 1 số nghề truyền thống ở địa phương.
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
MT 66:Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội .	- Đặc điểm nổi bật của ngày lễ, hội của quê hương, đất nước.
MT 67: Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.(CS 97)	- Trẻ kể được những đặc điểm nổi bật và trả lời được câu hỏi của người lớn về những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh địa điểm công cộng đó. - Trẻ tìm hiểu tên gọi, mục đích, quá trình hình thành của một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh ở địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. - Trẻ biết được những ngày lễ hội, sự kiện văn hóa đặc trưng của quê hương đất nước như

(Lễ hội truyền thống của địa phương) - Biết một số hoạt động diễn ra trong lễ hội: Rước kiệu, các trò chơi dân gian như: Cờ tướng, cờ người, kéo co, chơi đu. - Có tình cảm yêu mến quê hương. Bảo vệ giữ gìn môi trường, quang cảnh, văn hóa, các điểm công cộng.		MT 68:Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán - Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm	MT 69:Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.(CS104). Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	MT 70: Trẻ biết gộp, tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít
- Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng. - Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. <i>Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1 – 10.</i> - <i>Chép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.</i> - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, ..) - So sánh số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - <i>Phát âm một số chữ cái và số đếm từ 1-10 bằng tiếng anh</i>					
- Tách/gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau					

nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.(CS105)	và đếm - Tách /gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm
MT 71: Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.(CS115)	- Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm.
So sánh sắp xếp theo quy tắc	
MT 72: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.(CS116)	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.
- So sánh hai đối tượng	
MT 73: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
MT 74 : Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	- Đong dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
- Nhận biết hình dạng	
MT 75: Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu.(CS107)	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau.
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 76: Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.(CS 108)	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau ; phía trên- phía dưới ; phía phải- phía trái.) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 77: Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.(CS109)	- Gọi tên các thứ trong tuần

	- Nói được tên các ngày đi học và ngày nghỉ trong một tuần.
MT 78: Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110)	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
MT 79: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.(CS111)	+ Nói được lịch, đồng hồ dùng để làm gì? + Nói được ngày trên lịch (đọc ghép số) + Nói được giờ chẵn trên đồng hồ
4. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ giao tiếp	
Nghe hiểu lời nói	
MT 80: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 –3 hành động.(CS62)	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và thực hiện được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...) <i>Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh</i> - Chú ý hiểu thông điệp, không ngắt lời người nói
MT 81: Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.(CS 63)	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình...

	- Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác bằng tiếng anh - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác
MT 82: Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(CS61)	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.
MT 83; Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.(CS64)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đối, hò, vè phù hợp với độ tuổi
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT 84: Trẻ biết nói rõ ràng.(CS65)	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được
MT85: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.(CS66)	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh
MT 83: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.(CS67)	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.... - Sử dụng những từ thông dụng và các loại câu đơn, câu mở rộng để diễn đạt ý. <i>Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng</i>

	<i>và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh</i>
MT 87: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân.
MT 88: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69)	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động.
MT 89: Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS74)	- Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói
MT 90: Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.(CS77)	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn. (Tạm biệt, xin chào...) lễ phép khi nói, mạnh dạn, không nó quá to hay lí nhí - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng <i>Nhắc lại, nói từ chỉ tên gọi, lời chào, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh</i>
MT 91: Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được.(CS70)	- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh...
MT 92: Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.(CS71)	- Kể lại truyện đã nghe theo trình tự
MT 93: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện(CS72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách

	khác nhau - Sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập mối quan hệ và hợp tác với bạn bè.
MT 94 : Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp,(CS 73)	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT 95 : Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ,nét mặt khi không hiểu người khác nói (CS 76)	- Có hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp, hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói
MT 96:Trẻ biết kể chuyện theo tranh..(CS85)	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh - <i>Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh</i>
MT 97:Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.(CS120)	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
MT 98: Trẻ đóng được vai các nhân vật trong truyện	- Đóng kịch
MT 99: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, bài ca dao	- Đọc thơ, ca dao
Làm quen với việc đọc và viết	
MT 100: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.(CS79)	- Thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh.
MT 101:Trẻ thể hiện sự thích thú với sách(CS80)	- Xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe. - <i>Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh</i>

MT 102:Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS81)	- Giữ gìn sách, bảo vệ sách
MT 103:Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.(CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....) - Nhận biết các nhãn hàng hóa.
MT 104:Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.(CS83)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Chỉ tên các phần của sách ; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên tác giả... giờ, lật, đọc từng trang từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
MT 105: Trẻ thích “ Đọc” theo truyện tranh đã biết.(CS84)	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giờ tranh khi hết nội dung truyện
MT 106:Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.(CS86)	- Nhận dạng các chữ cái - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau
MT 107:Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS87)	- Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân; - <i>Làm quen với 1-5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường;</i>
MT 108:Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.(CS88)	- Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép một số ký hiệu, các chữ cái , sao chép các

	chữ cái tên của trẻ. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày.
MT 109: Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình.(CS89)	- Trẻ biết ghép các chữ cái thành tên mình. - Nhận được tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh biết viết tên của mình phía dưới
MT 110: Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.(CS90)	- Biết "viết" tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; - Hướng viết của các nét chữ
MT 111:Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.(CS91)	- Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên , hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 112 :Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.(CS27)	- Địa chỉ nhà, số điện thoại của bố (mẹ) và gia đình - Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
MT 113;Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.(CS28)	- Nhận biết, phân biệt trang phục phù hợp với giới tính - Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình

MT 114:Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân.(CS29)	- Sở thích, khả năng của bản thân - Kể những việc mà mình có thể làm được, không làm được và giải thích được lý do.
MT 115:Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân.(CS30)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động; - Nêu hoặc lựa chọn được các trò chơi, hoạt động mà trẻ thích.
- Trẻ thể hiện sự tự tin tự lực	
MT 116:Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng.(CS31)	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao - Nhận công việc được giao mà không lưỡng lự.
MT 117 :Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.(CS32)	- Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)
MT 118:Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.(CS33)	- Thực hiện công việc được giao (Trục nhật xếp, dọn đồ chơi)
MT 119:Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.(CS34)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt"- "xấu".
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 120:Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.(CS35)	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT 121:Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	- Bày tỏ cảm xúc phù hợp với người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT 122:Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè; (CS37)	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân. - Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui)

MT 123:Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.(CS38)	- Nhận ra được cái đẹp. - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát bản nhạc, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật... trẻ thích thú trước cái đẹp,
MT124:Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	- Chăm các con vật ăn và ngắm nhìn, vuốt ve các con vật quen thuộc và chăm sóc, bảo vệ cây cối.
MT 125:Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.(CS40)	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT 126:Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (CS41)	Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột ; Kiểm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá với sự giúp đỡ của người lớn
MT 127;Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi.(CS42)	- Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái
MT 128:Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.(CS43)	- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi - <i>Trẻ biết một số câu giao tiếp đơn giản bằng tiếng anh</i>
MT 129:Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.(CS44)	- Biết chia sẻ cảm xúc vui, buồn...với bạn bè và người thân, chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi
MT130:Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn.(CS45)	- Yêu mến, quan tâm đến mọi người, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn - Khi thấy bạn cần sự giúp đỡ, chủ động đến giúp đỡ bạn - Khi bạn hay người lớn yêu cầu sự giúp đỡ sẽ nhiệt tình

	đến giúp đỡ nhau. - <i>Biết xin lỗi, cảm ơn bằng tiếng anh</i>
MT 131:Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.(CS46)	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
MT 132:Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.(CS47)	- Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT 133: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ(Chỗ ở, nơi làm việc)	- Kính yêu Bác Hồ - Thăm quan, trải nghiệm khu di tích nơi Bác Hồ dừng chân, đến thăm .
MT 134:Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể chuyện...về Bác.	- Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác
MT 135:Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử như chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân... cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước - Trẻ biết một số di tích lễ hội nét văn hóa, tên gọi, đặc điểm nổi bật , của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương Kim Sơn(Cây ngô, dưa lê, con rươi, con cáy)
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 136:Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.(CS48)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng cử chỉ, lời nói lễ phép, lịch sự
MT 137:Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.(CS 49)	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn
MT 138:Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.(CS50)	- Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn với bạn;

	- Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ;
MT 139:Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51)	- Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. Nhận và thực hiện vai của mình trong các trò chơi cùng nhóm bạn. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ.
MT 140:Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(CS52)	- Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn.
MT 141:Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác(CS53)	- Có thái độ đúng đắn khi nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác
MT142:Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS54)	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi - <i>Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn bằng tiếng anh</i>
MT 143:Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS 55)	- Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn
MT 144:Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS75)	- Chú ý khi nghe cô và bạn nói không ngắt lời người khác.
MT 145:Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân.(CS58)	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi

MT 146: Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.(CS59)	- Nhận ra và chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn bè.
MT 147: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.(CS60)	- Biết chia sẻ, nhường nhịn quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi
Quan tâm đến môi trường	
MT 148: Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.(CS56)	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ‘Đúng- sai’ ‘Tốt- Xấu’ của con người với môi trường
MT 149: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.(CS57)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.... - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
MT 150: Trẻ thực hiện một số qui định ở gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng - Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ - Trật tự khi ăn, khi ngủ - Đi bên phải lề đường
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	
MT151: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT 152: Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(CS99)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - sử dụng bộ gõ cơ thể với những bản nhạc nước ngoài, dân ca
MT 153: Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp	- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp

điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS101)	nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT 154:Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.(CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
MT 155 :Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(CS102).	- Lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT 156: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo thành bức tranh cá màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 157:Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát).(CS117)	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
MT 158: Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau(CS119)	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - <i>Sử dụng bộ gõ cơ thể phù hợp văn hóa vùng miền khác nhau</i>
MT 159: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 160: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình (CS103)	- Trẻ nói được ý tưởng khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Đặt tên cho sản phẩm của mình

Dự kiến kế hoạch chủ đề và thời gian thực hiện :

stt	Tuần	Tên chủ đề	Các sự kiện	Thời gian thực hiện
HỌC KỲ I (Thời gian từ 05/09/2024 đến 10/01/2025)				
1	4 tuần	Trường mầm non	<i>Ngày Quốc Khánh 02/9 - Khai giảng ; Tết trung thu</i>	Từ 05/09/2024 đến 04/10/2024
2	3 tuần	Bản thân	<i>Ngày PNVN 20/10</i>	Từ 07 /10/2024 đến 25/10/2024

3	3 tuần	Gia đình		Từ 28 /10/2024 đến 15/11/2024
4	4 tuần	Nghề nghiệp	Ngày nhà giáo VN 20/11	Từ 18/11/2024 đến 13 /12/2024
5	4 tuần	Thế giới thực vật	Ngày <i>QĐND Việt Nam</i>	Từ 16/12/2024 đến 10/01/2025
HỌC KỲ II (Thời gian từ 13/01/2025 đến 23/05/2025)				
6	2 tuần	Tết và mùa xuân		Từ 13/01/2025 đến 24/01/2025
7	4 tuần	Thế giới động vật	Ngày <i>quốc tế phụ nữ 8/3</i>	Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025
NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN Thời gian nghỉ từ 05/02/2024 đến hết ngày 17/02/2024				
8	2 tuần	Nước - Các hiện tượng tự nhiên		Từ 10/03/2025 đến 21/03/2025
9	4 tuần	Giao Thông		Từ 24/03/2025 đến 18/04/2025
10	3 tuần	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	Ngày <i>GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5.</i>	Từ 21/04/2025 đến 09/05/2025
11	2 Tuần	Trường tiểu học	Ngày <i>sinh nhật Bác 19/05</i>	Từ 12/05/2025 đến 23/05/2025
Tổng	35 tuần – 11 chủ đề.			

4. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục

4.1. Các hoạt động giáo dục

(1) Đối với nhà trẻ:

1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

4. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

(2) Đối với mẫu giáo:

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

4.2. Hình thức tổ chức

(1) Đối với nhà trẻ

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

(2) Đối với Mẫu giáo:

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
 - Tổ chức hoạt động ngoài trời.
3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:
- Tổ chức hoạt động cá nhân.
 - Tổ chức hoạt động theo nhóm.
 - Tổ chức hoạt động cả lớp.

4.3. Phương pháp giáo dục

(1) Đối với nhà trẻ

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu.

Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

(2) Đối với Mẫu giáo :

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.
- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

4.4. Tổ chức môi trường giáo dục

(1) Đối với Nhà trẻ :

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.
- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- + Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.
- + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.
- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.
- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

(2) Đối với Mẫu giáo :

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

(1) Đối với nhà trẻ:

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

II - ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

(2) Đối với mẫu giáo:

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá: Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

III. CHƯƠNG TRÌNH CHO TRẺ MG LÀM QUEN VỚI TIN HỌC.

- Nhà trường bố trí 01 phòng kidsmart.
- Thời gian: +1 buổi/1 tuần, mỗi buổi 25 đến 35 phút vào các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 5 đối với trẻ 3-4 tuổi

+2 buổi/1 tuần, mỗi buổi 25 đến 35 phút vào các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 đối với trẻ 4,5 tuổi

- Tài liệu, học liệu để tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với kidsmart đã được các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Giúp trẻ tiếp cận với các phương tiện Ứng dụng CNTT là những thiết bị số, nhằm hướng tới hình thành, phát triển ở trẻ năng lực cá nhân, hoạt động chia sẻ nhóm, biết thao tác trên các thiết bị số, sử dụng các thiết bị kỹ thuật công nghệ số trong các hoạt động học, chơi để khám phá, trải nghiệm các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của từng độ tuổi, nhu cầu và khả năng của trẻ; góp phần chuẩn bị tốt nhất cho trẻ các kỹ năng cần thiết trong thời đại công nghệ số từng bước dần đáp ứng các phẩm chất của công dân toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành nội dung làm quen với tin học, trẻ có thể:

- a) Nhận biết, gọi đúng tên các trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, tin học
- b) Biết sử dụng các phương tiện thiết bị số hỗ trợ trong ứng dụng công nghệ gần gũi.
- c) Nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu trong hoạt động ứng dụng công nghệ số vào làm quen với tin học;
- d) Nghe hiểu và thực hiện được các thao tác trên thiết bị, phương tiện thiết bị số khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi;
- l) Thực hiện các yêu cầu của hoạt động , trò chơi trên các phần mềm học tập cũng như vui chơi theo các lĩnh vực phát triển khi được yêu cầu.
- m) Có hứng thú với khám phá thiết bị số thông qua các hoạt động học tập, vui chơi và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tin học;
- n) Mạnh dạn và tự tin trong các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho trẻ mầm non..

1.2. Yêu cầu cần đạt

1.2.1. Trẻ 3 - 4 tuổi

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tin học
- Mạnh dạn, tự tin trong hoạt động;

- Nghe và nhận diện, nhận biết gọi đúng tên 1 số thiết bị số và có thao tác đơn giản trên các thiết bị;
- Thực hiện và làm được theo hướng dẫn rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi khi tham gia trò chơi trên các phần mềm phù hợp với lứa tuổi;
- Hiểu và thực hiện được một số yêu cầu đơn giản trong hoạt động học, chơi trò chơi trên thiết bị số phù hợp với lứa tuổi;

1.2.2. Trẻ 4 - 5 tuổi

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tin học
- Mạnh dạn, tự tin trong hoạt động;
- Biết sử dụng các phương tiện thiết bị số hỗ trợ trong ứng dụng công nghệ gần gũi.
- Nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu trong hoạt động ứng dụng công nghệ số vào làm quen với tin học;
- Hiểu và thực hiện được các thao tác trên thiết bị, phương tiện thiết bị số khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi

1.2.3. Trẻ 5 - 6 tuổi

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tin học;
- Thích tìm hiểu, khám phá các hoạt động trên các phương tiện, thiết bị số;
- Mạnh dạn, tự tin trong hoạt động;
- Biết sử dụng các phương tiện thiết bị số hỗ trợ trong ứng dụng công nghệ gần gũi.
- Thực hiện được các thao tác trên thiết bị, phương tiện thiết bị số khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi
- Thực hiện được một số yêu cầu trong hoạt động ứng dụng công nghệ số vào làm quen với tin học;
- Hào hứng thực hiện các yêu cầu của hoạt động cũng như trò chơi, phối hợp nhóm cùng nhau thực hiện các yêu cầu của trò chơi trên các phần mềm phù hợp với độ tuổi.

1.3. Nội dung cụ thể

1.3.1. Trẻ 3 - 4 tuổi

Mục tiêu	Nội dung
MTPT117 : Trẻ tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	- Kỹ năng sử dụng máy tính trong chơi trò chơi
MT117.1. Nhận ra, gọi tên đúng các thiết bị số(máy tính, bàn phím, màn hình, chuột)	- Nhận biết, gọi tên thiết bị số(máy tính, bàn phím, màn hình, chuột)

MT117.2. Biết 1 số thao tác trên thiết bị số, Nhận ra ký hiệu (biểu tượng) của phần mềm trò chơi, nhận biết về kích thước, cách sắp xếp, số đếm, tạo hình, Xác định được vị trí..làm theo yêu cầu	- Làm quen với 1 số thao tác trên thiết bị số - Nhận biết hình ảnh(ký hiệu, biểu tượng) của phần mềm Kitsdmats trên máy tính - Thực hành thao tác mở trên biểu tượng trò chơi Kiitsmatsd - Trò chơi “ nhỏ, vừa và lớn “;“ Ngôi nhà chuột”; Máy đếm số; Tạo ra con côn trùng ; Xưởng làm bánh -Đồng hồ lịch : Học về đơn vị thời gian khi bạn di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây
--	--

1.3.2. Trẻ 4 - 5 tuổi

Mục tiêu	Nội dung
MTPT118 : Trẻ tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	- Kỹ năng sử dụng máy tính trong chơi trò chơi
MT118.1 . Thao tác, chơi: so sánh được ba đối tượng, Nhận ra, phân biệt được 1 số hình , biết ghép các hình để tạo thành hình mới. Đếm được theo khả năng, theo thứ tự đúng, biết số lượng tương ứng với chữ số; Tạo ra được sản phẩm là con vật, cái bánh theo thứ tự , theo yêu cầu phù hợp. Biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng. Chủ động trong tìm hiểu, khám phá MTXQ và các hiện tượng tự nhiên.	NGÔI NHÀ TOÁN HỌC CỦA Millie * To – Nhỏ - Vừa: Nhận biết chọn cỡ. Thử ba cỡ giấy khác nhau cho 3 nhân vật. * Ngôi nhà chuột: Chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo một mẫu thiết kế. In và tô màu những gì được thiết kế. * Bing và Boing: Nhận biết/ xác định mẫu hình. Tạo và hoàn thành các mẫu hình đã được xem và nghe * Con số của tôi: Đếm, đọc số và tìm ra số của Dorothy * Con bọ: Nghe và xem số, và số lượng tương ứng. Đặt từ 1 đến 10 mắt, tai, vết đốm, ... lên con côn trùng. In và tô màu và thu lại thanh cho những con côn trùng được tạo ra. * Máy số : Nhận biết số. Xem & nghe những con vật được liệt kê (đếm) khi chúng vọt ra khỏi ngăn kéo.

. * **Xưởng làm bánh**: Tưởng tượng và đếm. Thử các thiết bị theo thứ tự khác nhau để tạo ra các kết quả khác nhau. Dùng mút đậu để trang trí cho bánh.

NGÔI NHÀ KHOA HỌC CỦA SAMMY

* **Trạm phân loại** : Nhận biết, phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại với sự giúp đỡ của các thùng đựng. Nghe tên của các con vật của các con vật, cây cối và các loại đá.

* **Máy tạo thời tiết** : Tìm hiểu các yếu tố thời tiết khác nhau. Nghe dự báo và xem hình minh họa thời tiết mà bạn vừa tạo.

* **Ao thiên nhiên bốn mùa** : Tìm hiểu, khám phá động thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa.

* **Tạo ra một bộ phim** : Làm quen, với việc sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim. Xem bộ phim theo chiều xuôi hoặc chiều ngược

* **Xưởng đồ chơi** : Làm quen cách thiết kế đồ chơi và máy móc. Dựa theo bản mẫu hoặc tự thiết kế. Tô màu và in sản phẩm.

NGÔI NHÀ KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN CỦA TRUDY

* **Hộp cát biểu tượng** : Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát rồi quan sát các quả đồi, đường đi, các hồ và thành phố mọc lên trước mắt bạn

* **Thám hiểm trái đất** : Làm quen mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới. Chụp ảnh những địa danh bạn thích. In ảnh để tô màu

* **Đồng hồ lịch** : Làm quen về đơn vị thời gian khi bạn đi

	chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây * Truy tìm hạt mút đậu : Làm quen để sử dụng các phương hướng chính bằng cách điều khiển chú kiến hẩu ăn sang trái, phải, về trước hoặc tiến sang phía nam, bắc, đông, tây
MT118.2: Trẻ có tính sáng tạo, khả năng phân biệt của âm thanh, và khả năng nhớ khi bạn sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các công cụ khác nhau.	THẾ GIỚI SÔI ĐỘNG 1 – THINKIN’ THING * Oranga Banga : phân biệt âm thanh, sáng tạo âm thanh nhớ khi bạn sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các công cụ khác nhau+ Toony Loon : Sáng tạo âm thanh, phân biệt cao độ của âm thanh, nhắc lại các mẫu âm thanh với các cao độ khác nhau * Các hình khối Blox bay : Tìm hiểu các quan hệ về không gian. Điều khiển chuyển động của các hình âm thanh * Các khối cầu Blox bay : Thao tác với các chuyển động và ảo giác về chiều sâu. Tạo hình ảnh độc nhất để trình diễn các loại âm nhạc khác nhau.
MT118.3: Có thể học cách nói về thời gian theo khả năng trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ	* Anh em nhà đồng hồ :Làm quen với đồng hồ điện tử Annva2 đồng hồ Đan. Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ
MT118.4:Có khả năng tư duy phê phán khi bạn tìm ra quy luật và sau đó tạo một bạn chim để kiểm chứng giả thuyết của bạn.	+ Các bạn chim : Tìm ra quy luật và tạo một bạn chim
MT181.5: Trẻ hứng thú tiếp cận và thích ứng nhanh với ngôn ngữ tiếng Việt thông qua máy tính. Chương trình trực quan, hấp dẫn, tương tác với bé- Trẻ làm quen với các màu cơ bản, hình dạng, kích thước, các bộ phận trên cơ thể, biết cách mô tả	Người bạn ngộ nghĩnh: - Các màu cơ bản: xanh lam, xanh lá cây, vàng, đỏ, tím, hồng, nâu, đen. - Hình dạng kích thước: dài, ngắn, to, nhỏ, tròn, nhọn.

về bộ phận con người.	- Bộ phận cơ thể: tay, chân, tóc, mũi, miệng + Người bạn ngộ nghĩnh + Tập kể truyện- Chọn nhân vật và các tình tiết cho câu chuyện, trẻ sẽ được nghe câu chuyện của mình và in ra thành tác phẩm.
MT118.6: trẻ làm quen với các chữ cái, cách phát âm theo khả năng, rèn luyện trí nhớ, củng cố lại những chữ cái đã được học, được làm quen trong chương trình.	Làm quen chữ cái”: Làm quen 15 chữ cái tiếng Việt và các hình ảnh, âm thanh minh họa từng chữ cái trong mỗi câu Tập tô chữ: Làm quen cách tô 15 chữ cái tiếng Việt với âm thanh hình ảnh tương ứng. Nhóm chữ cái Gồm 5 nhóm chữ cái mà trẻ được học

1.3.3. Trẻ 5 - 6 tuổi

Mục tiêu	Nội dung
MTPT161 : Trẻ tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	- Kỹ năng sử dụng máy tính trong chơi trò chơi
MT161.1: Trẻ phát triển những nhạy cảm về điều khiển và tính tự tin. Sử dụng máy tính như là một công cụ, học sinh có được một ý thức về sự hoàn thiện và kỹ năng khi chúng sáng tạo, chơi và học.	NGÔI NHÀ TOÁN HỌC CỦA Millie * To – Nhỏ - Vừa: So sánh và chọn cỡ. Thử ba cỡ giấy khác nhau cho 3 nhân vật. * Ngôi nhà chuột: Chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo một mẫu thiết kế. In và tô màu những gì được thiết kế. * Bing và Boing: Nhận biết/ xác định mẫu hình. Tạo và hoàn thành các mẫu hình đã được xem và nghe * Con số của tôi: Đếm, đọc số và tìm ra số của Dorothy * Con bọ: Nghe và xem số, và số lượng tương ứng. Đặt từ 1

	đến 10 mắt, tai, vết đốm, ... lên con côn trùng. In và tô màu và thu lại thanh cho những con côn trùng được tạo ra. * Máy số : Nhận biết số. Xem & nghe những con vật được liệt kê (đếm) khi chúng vọt ra khỏi ngăn kéo. * Xưởng đồ chơi : Làm quen cách thiết kế đồ chơi và máy móc. Dựa theo bản mẫu hoặc tự thiết kế. Tô màu và in sản phẩm.
MT161.2: Trẻ biết khám phá thế giới khoa học xung quanh chúng qua Ngôi nhà khoa học của Sammy và biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán, và xây dựng. Trẻ biết xây dựng các trò chơi và máy móc để đọc và in một “Sổ ghi chép” những thông tin thú vị về các con vật.	NGÔI NHÀ KHOA HỌC CỦA SAMMY * Trạm phân loại : Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại với sự giúp đỡ của các thùng đựng. Nghe tên của các con vật của các con vật, cây cối và các loại đá. * Tạo ra một bộ phim : Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim. Xem bộ phim theo chiều xuôi hoặc chiều ngược * Ao thiên nhiên bốn mùa : Khám phá động thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. * Máy tạo thời tiết : Vận dụng các yếu tố thời tiết khác nhau. Nghe dự báo và xem hình minh họa thời tiết mà bạn vừa tạo. * Xưởng đồ chơi : Thiết kế đồ chơi và máy móc. Dựa theo bản mẫu hoặc tự thiết kế. Tô màu và in sản phẩm.
MT161.3: Trẻ biết khám phá và tự do tìm tòi và định hướng trong không gian và thời gian, xác định được các phương hướng qua các căn phòng: Anh em nhà đồng hồ, Hộp cát biểu tượng , Truy tìm hạt mứt đậu. - Biết được mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới qua căn phòng: Thám hiểm trái đất	NGÔI NHÀ KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN CỦA TRUDY * Anh em nhà đồng hồ : Gặp gỡ đồng hồ điện tử Annva2 đồng hồ Dan. Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ * Đồng hồ lịch : Học về đơn vị thời gian khi bạn di chuyển tiến

lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây

* **Hộp cát biểu tượng** : Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát rồi quan sát các quả đồi, đường đi, các hồ và thành phố mọc lên trước mắt bạn

* **Truy tìm hạt mút đậu** : Học để sử dụng các phương hướng chính bằng cách điều khiển chú kiến hâu ăn sang trái, phải, về trước hoặc tiến sang phía nam, bắc, đông, tây

* **Thám hiểm trái đất** : Khám phá mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới. Chụp ảnh những địa danh bạn thích. In ảnh để tô màu

* **Các khối cầu Blox bay** : Giúp phối hợp âm nhạc, sự khéo léo, kiến thức và kỹ năng sử dụng khi bạn thao tác với các chuyển động và ảo giác về chiều sâu. Tạo ra hiệu quả về hình ảnh độc nhất để trình diện các loại âm nhạc khác nhau.

* **Oranga Banga** : phân biệt âm thanh, sáng tạo âm thanh nhớ khi bạn sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các công cụ khác nhau.

+ **Toony Loon** : Sáng tạo âm thanh, phân biệt cao độ của âm thanh, nhắc lại các mẫu âm thanh với các cao độ khác nhau

* **Anh em nhà đồng hồ** :Làm quen với đồng hồ điện tử Annva2 đồng hồ Dan. Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ

+ **Các bạn chim** : Tìm ra quy luật và tạo một bạn chim

* **Các hình khối Blox bay** : Tìm hiểu các quan hệ về không gian. Điều khiển chuyển động của các hình âm thanh

MT161.4: Trẻ nhận biết mặt chữ cái, qua đó biết được cách viết các chữ số.

Trẻ biết sáng tạo trong việc sử dụng trò chơi tạo thiệp chúc mừng ông, bà, cha, mẹ, thầy cô giáo...

Trẻ tiếp cận và thích ứng nhanh với ngôn ngữ tiếng Việt thông qua máy tính. Chương trình trực quan, hấp dẫn, tương tác với bé

PHẦN MỀM HAPPY KID

+ Làm quen với chữ cái

+ Tập tô chữ

+ Nhóm chữ cái

+ Người bạn ngộ nghĩnh

+ Tập kể truyện

+ Làm bưu thiếp

Làm quen chữ cái: Phần này bao gồm 29 chữ cái tiếng Việt và các hình ảnh, âm thanh minh họa từng chữ cái trong mỗi câu ví dụ, qua đó trẻ có thể kiểm tra lại các chữ mà mình đã được học.

Tập tô chữ: Cách tô 29 chữ cái tiếng Việt với âm thanh hình ảnh tương ứng.

Nhóm chữ cái: Gồm 12 nhóm chữ cái mà trẻ được học

1.4. Đánh giá kết quả giáo dục

1.4.1. Mục đích đánh giá

Thu thập thông tin về khả năng tiếp cận, mục tiêu đạt được ở các nội dung, của trẻ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, định hướng về phương pháp, nội dung, điều kiện, kế hoạch, và các hoạt động cho trẻ làm quen với tin học.

1.4.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá sự tiến bộ của trẻ theo yêu cầu cần đạt và sự hứng thú của trẻ đối với tin học và các hoạt động cho trẻ làm quen với tin học

1.4.3. Phương pháp đánh giá

Trẻ được đánh giá thông qua một hoặc kết hợp các phương pháp sau:

- Quan sát: Quan sát biểu hiện và việc sử dụng các trang thiết bị số của trẻ trong hoạt động làm quen với tin học.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ: Sử dụng lời nói, hệ thống câu hỏi trong các ngữ cảnh giao tiếp với trẻ;
- Sử dụng trò chơi: Sử dụng các trò chơi phù hợp nhằm đánh giá thao tác trên thiết bị số của trẻ trong quá trình tham gia trò chơi ;

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ: Phân tích các sản phẩm của trẻ trong quá trình tham gia các hoạt động làm quen với tin học

1.4.4. Hình thức đánh giá

- Đánh giá trẻ thường xuyên được thực hiện thông qua quan sát trẻ trong các hoạt động làm quen với tin học và các tình huống trong hoạt động, các biểu hiện tiến bộ của trẻ về các kỹ năng thực hành và các thao tác trên thiết bị số và sự hứng thú của trẻ đối với tin học và các hoạt động làm quen với tin học.

- Hoạt động đánh giá được thực hiện nhẹ nhàng, thân thiện; khích lệ sự tiến bộ của từng trẻ.

IV. CHƯƠNG TRÌNH LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH CHO TRẺ MẪU GIÁO

Cho trẻ làm quen với tiếng Anh theo hướng tích hợp vào các hoạt động trong ngày của trẻ

1.1. Mục tiêu

1.1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình được xây dựng nhằm hướng tới hình thành, phát triển ngôn ngữ giao tiếp bằng tiếng Anh theo nhu cầu và khả năng của trẻ; góp phần chuẩn bị tốt hơn cho việc học tiếng Anh ở bậc tiểu học.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành Chương trình, trẻ có thể:

- Nghe hiểu được một số từ, cụm từ và câu quen thuộc;
- Nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu ngắn, đơn giản, quen thuộc;
- Nhắc lại được, nói được một cách tương đối rõ ràng, dễ nghe một số từ, cụm từ đơn giản;
- Nhắc lại được, nói được một số từ thông dụng từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;
- Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng
- Có hứng thú với tiếng Anh và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tiếng Anh;
- Mạnh dạn và tự tin trong giao tiếp.

1.2. Yêu cầu cần đạt

1.2.1. Trẻ 3 - 4 tuổi

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh;

- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp;
- Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;
- Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;
- Nghe và làm được theo hướng dẫn rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi khi tham gia trò chơi;

- Nhắc lại được, gọi được tên một số đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;

1.2.2. Trẻ 4 - 5 tuổi

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh;
- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp;
- Nghe và nhận diện, nhận biết được được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;
- Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 5, một số từ, cụm từ đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;
- Nghe và thực hiện được một số câu lệnh đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;
- Nhắc lại được, gọi tên được đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;
- Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi trong phạm vi từ vựng được làm quen;

1.2.3. Trẻ 5 - 6 tuổi

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh;
- Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác;
- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp;
- Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;
- Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi;
- Nhắc lại được, nói được từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen;
- Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu trong phạm vi từ vựng được làm quen;

- Đọc được một số chữ cái bằng tiếng Anh.

1.3. Nội dung cụ thể

1.3.1. Trẻ 3 - 4 tuổi

Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Nghe - Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 15 từ - Nghe số từ 1 đến 3; - Nghe và làm theo yêu cầu đơn lẻ rất đơn giản, quen thuộc; - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-2 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên; Nói - Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 15 từ, cụm từ; - Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Phản hồi bằng cử chỉ và trả lời bằng 1-2 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên; - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời bằng 1-2 từ trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản, quen thuộc khác; Làm quen với đọc - Làm quen với tranh ảnh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, và hành động rất đơn giản và quen thuộc; - Làm quen với truyện tranh, cầm sách đúng chiều, mở sách và xem tranh.	Từ vựng: - Khoảng 15 từ - Số từ 1 đến 3. Mẫu câu: - Câu chào hỏi, tạm biệt, hỏi tên;

1.3.2. Trẻ 4 - 5 tuổi

Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Nghe - Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 70 từ, cụm từ; - Nghe số từ 1 đến 5; - Nghe và làm theo 2 yêu cầu đơn giản, quen thuộc; - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động hoặc 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình Nói - Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 30 từ, cụm từ; - Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ và cụm từ trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Phát âm được một số chữ cái và các chữ số từ 1-5 - Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình; Làm quen với đọc - Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen;	Từ vựng: - Khoảng 30 từ (thêm 15 từ so với trẻ 3- 4 tuổi); - Số đếm từ 1 đến 5. Mẫu câu: - Câu hỏi về tên, cái gì, tại sao?

1.3.3. Trẻ 5 - 6 tuổi

Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Nghe - Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen	Từ vựng: Khoảng 45 từ (tăng thêm 15

thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ;

- Nghe số từ 1 đến 10;
- Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, quen thuộc;
- Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác;
- Nghe phát âm một số chữ cái bằng tiếng Anh

Nói

- Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ;
- Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen;
- Phát âm một số chữ cái và số đếm từ 1-10
- Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích;
- Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp;

Làm quen với đọc

- Làm quen với 1-5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường;
- Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen;

từ so với trẻ 4-5 tuổi);

- Số đếm từ 1 đến 10.

Mẫu câu:

- Câu hỏi về Bạn tên là gì, cái gì, tại sao...

1.4. Đánh giá kết quả giáo dục

1.4.1. Mục đích đánh giá

Thu thập thông tin về khả năng nghe, nói, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, định hướng về phương pháp, nội dung, điều kiện, kế hoạch, và các hoạt động tích hợp cho trẻ làm quen với tiếng Anh.

1.4.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá sự tiến bộ của trẻ theo yêu cầu cần đạt và sự hứng thú của trẻ đối với tiếng Anh và các hoạt động có tích hợp cho trẻ

LQVTA

1.4.3. Phương pháp đánh giá

Trẻ được đánh giá thông qua một hoặc kết hợp các phương pháp sau:

- Quan sát: Quan sát biểu hiện và việc sử dụng ngôn ngữ của trẻ trong hoạt động.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ: Sử dụng lời một số lời nói, hệ thống câu hỏi trong các ngữ cảnh giao tiếp với trẻ;

1.4.4. Hình thức đánh giá

- Đánh giá trẻ thường xuyên được thực hiện thông qua quan sát trẻ trong các hoạt động và các tình huống giao tiếp, các biểu hiện tiến bộ của trẻ về các kỹ năng nghe, nói và sự hứng thú của trẻ đối với tiếng Anh
- Hoạt động đánh giá được thực hiện nhẹ nhàng, thân thiện; khích lệ sự tiến bộ của từng trẻ.

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung đánh giá

1.1. Đánh giá chương trình giáo dục

1.2.1. Đánh giá kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

- Đánh giá các loại kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bao gồm: Kế hoạch giáo dục, kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng năm học chung cho từng độ tuổi của nhà trường; Kế hoạch năm học/kế hoạch chủ đề (tháng)/tuần/ngày của giáo viên xây dựng trên cơ sở kế hoạch năm học của trường.

- Xem xét đánh giá việc đảm bảo thực hiện quy định trong tổ chức xây dựng các loại kế hoạch trên.

1.2.2. Đánh giá tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Hoạt động quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn tại trường, các nhóm/lớp thông qua các hoạt động tổ chức ăn, ngủ, vệ sinh, lao động, chăm sóc sức khỏe và an toàn.

1.2.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ

- Đánh giá việc thực hiện mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ
- Đánh giá việc sử dụng và lưu trữ kết quả tài liệu, thông tin liên quan đến đánh giá sự phát triển của trẻ để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục.

1.2. Đánh giá việc tổ chức môi trường giáo dục

- Đánh giá việc tổ chức môi trường vật chất của nhà trường, của từng nhóm/lớp: Thiết kế, sắp xếp, khai thác, sử dụng các góc hoạt động trong và ngoài nhóm/lớp; thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu...đảm bảo an toàn về thể chất, tận dụng các không

gian hiện có của nhóm/lớp phù hợp, linh hoạt, tạo nhiều cơ hội cho trẻ trải nghiệm, thực hành, khám phá, kích thích sự sáng tạo của trẻ không hình thức, lãng phí.

- Đánh giá việc tổ chức môi trường xã hội trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục: Môi trường mang đến cho trẻ cảm giác an toàn về tinh thần, vui vẻ, thoải mái, thân thuộc, có nhiều cơ hội để thể hiện và phát triển năng lực cá nhân.

1.3. Đánh giá đội ngũ thực hiện chương trình

- Hiểu biết về sự phát triển của trẻ và các nguyên tắc giáo dục thể hiện qua việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ
- Khả năng làm việc và đạo đức nghề nghiệp

1.4. Đánh giá công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, cộng đồng

- Các định hướng, quy định về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, cộng đồng.
- Hỗ trợ, phối hợp trong bảo vệ trẻ em và hướng dẫn để cha mẹ trẻ tham gia vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

1.5. Đánh giá thực hiện giáo dục hòa nhập

- Đánh giá khả năng tiếp cận và sự công bằng trong tiếp cận cơ hội học tập
- Đánh giá nhân lực/đội ngũ và các hoạt động chỉ đạo, phối hợp hỗ trợ giáo dục hòa nhập

1.6. Đánh giá hoạt động kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình
- Đánh giá việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình đầy đủ các nội dung: kiểm tra chương trình, kiểm tra đội ngũ, kiểm tra môi trường...
- Đánh giá việc thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá
- Đánh giá việc lưu trữ văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến kiểm tra, đánh giá.

2. Thời gian, chu kỳ đánh giá

Đánh giá thực hiện chương trình được tổ chức thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Hình thức, phương pháp đánh giá

3.1. Hình thức đánh giá

- Theo thời gian: Đánh giá thường xuyên, đột xuất, định kỳ
- Theo nội dung: Đánh giá toàn diện hoặc một nội dung trọng tâm nào đó

- Theo phương pháp: Đánh giá trực tiếp bằng văn bản, hoặc đánh giá gián tiếp qua dự giờ, thăm lớp, qua sinh hoạt chuyên môn...

- Theo chủ thể đánh giá: Cán bộ quản lý/giáo viên tự đánh giá

3.2. Phương pháp đánh giá

- Phân tích sản phẩm

- Quan sát thực tế

- Trao đổi, tọa đàm, phỏng vấn, thảo luận

- Xây dựng các tiêu chí, minh chứng để đánh giá từng nội dung

5. Tổng hợp kết quả đánh giá, đề xuất giải pháp và thực hiện điều chỉnh:

Trên cơ sở nhận định, xác định được mức độ đạt về nội dung đánh giá, cán bộ quản lý và giáo viên đề xuất các giải pháp tác động để thực hiện điều chỉnh

- Cán bộ quản lý: Đề xuất và thực hiện các giải pháp liên quan đến nâng cao chất lượng về chương trình, môi trường giáo dục, đội ngũ thực hiện, phối hợp giữa nhà trường, cộng đồng và gia đình,, hoạt động kiểm tra, đánh giá...

- Giáo viên, nhân viên đề xuất và thực hiện các giải pháp liên quan đến vị trí việc làm, thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng:

Xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục nhà trường dựa trên số 01/VBHN -BGDDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chung cho toàn trường.

Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình nghiên cứu lớn có liên quan đến đơn vị.

Thực hiện triển khai kế hoạch đến toàn thể giáo viên trong nhà trường.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch

Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hàng năm của toàn trường và thực hiện kế hoạch phát triển của toàn trường theo từng giai đoạn phát triển.

Báo cáo kế hoạch thực hiện với phòng GD&ĐT Thị xã Đông Triều.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

Phối hợp với hội đồng nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên 01/VBHN -BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch

Cập nhật kịp thời nội dung kế hoạch phát triển chương trình của nhà trường lên trên Website và các bảng thông tin tại trường để thực hiện, công khai và tạo điều kiện để CMHS, gia đình và xã hội cùng tham gia hỗ trợ, đóng góp.

3. Đối với các tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục căn cứ vào kế hoạch của nhà trường và đặc điểm của trẻ và nhóm/lớp.

Xây dựng kế hoạch sát với điều kiện của tổ chuyên môn về các vấn đề trọng tâm sát với mục tiêu giáo dục của trường đã đề ra.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thống nhất điều chỉnh nội dung kế hoạch (nếu có)

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

4. Đối với giáo viên

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường.

Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.

Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Phân công phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn xây dựng bộ công cụ đánh giá, lấy đó làm cơ sở để giáo viên, các tổ chuyên môn và CBQL đánh giá việc thực hiện phát triển chương trình giáo dục của nhà trường một cách kịp thời

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện những nội dung trong chương trình, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện trong thời gian tới, để điều chỉnh những bất cập, cải tiến và xây dựng kế hoạch của nhà trường được hiệu quả hơn

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các bộ phận cần kịp thời phản ánh về ban lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non của trường MN Kim Sơn năm học 2023-2024. Đề nghị tất cả giáo viên, nghiên cứu và triển khai thực hiện kịp thời./.

Nơi nhận :

- Phòng GDĐT
- Các tổ CM (T/h)
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lương